



Ký bởi: BỘ QUỐC PHÒNG
Ngày ký: 17-09-2026 09:39:15 +07:00

VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: **54**/2026/VBHN-NĐ-BQP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Hà Nội, ngày **15** tháng 9 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của
Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với
sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại
ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng**

Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2009, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 52/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025;

2. Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025;

3. Nghị định số 338/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 03 Nghị định của Chính phủ về chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,¹

¹ Nghị định số 52/2025/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành về chế độ, chính sách đối với sĩ quan nghỉ hưu, chuyển ngành, phục viên, nghỉ theo chế độ bệnh binh; sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trận, sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng; quy đổi thời gian để hưởng chế độ trợ cấp một lần, quy định tại các Điều 34, 36 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999 và các khoản 11, 12 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 28 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014; Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trận; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng.”

Nghị định số 209/2025/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng”.

Nghị định số 338/2026/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 19/2008/QH12, Luật số 72/2014/QH13, Luật số 52/2024/QH15;

Căn cứ Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng số 98/2015/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc phòng số 98/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của 03 Nghị định của Chính phủ về chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.”

điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008 (sau đây gọi chung là Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam).

Điều 2. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan nghỉ hưu

1. Sĩ quan nghỉ hưu quy định tại Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 37 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2.² Chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật, được quy định như sau:

a) Sĩ quan thuộc diện dôi dư do thay đổi tổ chức hoặc thay đổi biểu tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền (trừ đối tượng hưởng chính sách, chế độ trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo quy định riêng của Chính phủ); sĩ quan hết hạn tuổi giữ chức vụ chỉ huy, quản lý đơn vị theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam mà Quân đội không còn nhu cầu bố trí, sử dụng thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng 05 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;

b) Sĩ quan không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này, do sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ mà thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn nhưng có nguyện vọng nghỉ hưu trước hạn tuổi và được cấp có thẩm quyền đồng ý thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng 05 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;

c) Sĩ quan không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này, trong năm trước liền kề hoặc trong năm xét nghỉ hưu trước hạn tuổi được cấp có thẩm quyền kết luận không còn đủ tiêu chuẩn về sức khỏe phục vụ Quân đội thì khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm được trợ cấp một lần bằng 05 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi;

d) Ngoài chế độ được hưởng quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c khoản này, sĩ quan khi nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước hạn tuổi, được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành và được trợ cấp một lần theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc như sau:

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Nghị định số 338/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2026.

Sĩ quan có từ đủ 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên thì 20 năm đầu công tác được trợ cấp bằng 05 tháng tiền lương; đối với số năm còn lại (từ năm thứ 21 trở đi), mỗi năm được trợ cấp bằng 0,5 tháng tiền lương;

Sĩ quan có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì được trợ cấp bằng 05 tháng tiền lương.

3.³ Sĩ quan khi có quyết định nghỉ hưu, nếu đã được thăng cấp bậc quân hàm, nâng lương được 2/3 thời hạn trở lên và được đánh giá từ mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên thì được thăng cấp bậc quân hàm, nâng lương (trừ trường hợp thăng quân hàm cấp tướng)

Điều 3. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan chuyển ngành

1. Sĩ quan chuyển ngành được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hưởng lương từ ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị) được hưởng quyền lợi như sau:

a) Được ưu tiên bố trí việc làm phù hợp với ngành nghề chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ; được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết phù hợp với công việc đảm nhiệm;

b) Được miễn thi tuyển, nếu chuyển ngành về cơ quan, đơn vị cũ hoặc chuyển ngành theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c)⁴ Được ưu tiên cộng thêm điểm vào kết quả thi tuyển công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức tại thời điểm thi tuyển;

d)⁵ Sĩ quan được xếp và hưởng lương theo vị trí việc làm mới, công việc mới, chức vụ mới kể từ ngày quyết định chuyển ngành có hiệu lực. Trường hợp tiền lương theo nhóm, ngạch, bậc được xếp thấp hơn tiền lương theo cấp bậc quân hàm của sĩ quan được hưởng tại thời điểm chuyển ngành thì được bảo lưu mức lương, phụ cấp thâm niên và đóng - hưởng chế độ bảo hiểm xã hội tại thời điểm chuyển ngành trong thời gian là 18 tháng, kể từ ngày quyết định chuyển ngành có hiệu lực và do cơ quan, đơn vị mới chi trả. Việc tiếp tục cho hưởng lương bảo lưu ngoài thời gian 18 tháng do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức xem xét, quyết định phù hợp với tương

³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁴ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁵ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

quan tiền lương nội bộ. Trong thời gian hưởng bảo lưu, mức tiền lương chênh lệch bảo lưu giảm tương ứng khi cán bộ, công chức, viên chức được nâng lương hoặc được hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung trong ngạch hoặc được nâng ngạch; trường hợp được nâng lương mà mức lương mới cao hơn mức lương tại thời điểm chuyển ngành thì được hưởng mức lương mới. Sau thời gian bảo lưu lương, tiếp tục được hưởng mức phụ cấp thâm niên tại thời điểm chuyển ngành hoặc được cộng nổi để tính hưởng phụ cấp thâm niên ở các ngành được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên;

đ)⁶ Sĩ quan đã chuyển ngành, đủ điều kiện hưởng lương hưu, nếu mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ để tính lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tại thời điểm nghỉ hưu thấp hơn mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội tại thời điểm chuyển ngành thì được lấy mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội tại thời điểm chuyển ngành, được chuyển đổi theo chế độ tiền lương quy định tại thời điểm nghỉ hưu để làm căn cứ tính lương hưu;

e)⁷ Sĩ quan đã chuyển ngành, nếu không đủ điều kiện hưởng lương hưu mà thôi việc thì ngoài hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định, được giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc do cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức tại thời điểm thôi việc chi trả; trong đó: cứ mỗi năm công tác trong Quân đội được trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương của tháng liền kề trước khi chuyển ngành, được chuyển đổi theo chế độ tiền lương quy định tại thời điểm thôi việc để làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc; thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trợ cấp thôi việc thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức tại thời điểm thôi việc;

g)⁸ Đối với các trường hợp chuyển ngành sang làm việc tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước, có thời gian công tác trong Quân đội được cấp có thẩm quyền xác định là chuẩn úy, khi nghỉ hưu thì hệ số lương làm cơ sở tính tiền lương bình quân làm căn cứ tính hưởng lương hưu đối với thời gian chuẩn úy được chuyển xếp là 3,90.

⁶ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁷ Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

⁸ Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

2.⁹ Sĩ quan chuyển ngành sang làm việc tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước sau đó chuyển ngành sang cơ quan, đơn vị không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, khi nghỉ hưu, được cộng thêm khoản phụ cấp thâm niên nghề theo thời gian công tác trong Quân đội và cấp bậc quân hàm tại thời điểm liền kề trước khi sĩ quan chuyển ngành, được chuyển đổi theo chế độ tiền lương quy định tại thời điểm nghỉ hưu khi tính mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội cho thời gian công tác theo chế độ tiền lương do nhà nước quy định để làm căn cứ tính lương hưu đối với sĩ quan.

3.¹⁰ Sĩ quan đã chuyển ngành nhưng do yêu cầu nhiệm vụ, được cấp có thẩm quyền quyết định trở lại phục vụ trong Quân đội, được sắp xếp công việc mới phù hợp với nhu cầu, năng lực của sĩ quan; thời gian chuyển ngành công tác tại cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước được tính vào thời gian công tác liên tục để xét nâng lương, thăng quân hàm và tính thâm niên công tác.

Điều 4. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan chuyển ngành sang làm việc tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước¹¹

1. Được bảo lưu thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội hiện hành.

2. Được hưởng trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương của tháng liền kề trước khi chuyển ngành, do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng quản lý sĩ quan trước khi chuyển ngành chi trả.

3. Sĩ quan đã chuyển ngành, đủ điều kiện hưởng lương hưu, được thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội hiện hành nhưng không được áp dụng cách tính mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ để tính lương hưu theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 3 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định này.

Điều 5. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan phục viên

1.¹² Sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ không đủ điều kiện để nghỉ hưu, nghỉ theo chế độ bệnh binh hoặc không chuyển ngành được thì phục viên; khi phục

⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

¹⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

¹¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

¹² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 338/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2026.

viên, ngoài hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và các chế độ khác theo quy định của pháp luật hiện hành (nếu có) còn được hưởng các chế độ như sau:

a) Được hưởng trợ cấp tạo việc làm bằng 03 tháng tiền lương; được hỗ trợ đào tạo học nghề hoặc giới thiệu việc làm tại các tổ chức giới thiệu việc làm của các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương và các tổ chức kinh tế - xã hội khác;

b) Được hưởng trợ cấp phục viên một lần, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp bằng 1,5 tháng tiền lương.

2.¹³ Sĩ quan đã phục viên về địa phương trong thời gian không quá một năm, kể từ ngày quyết định phục viên có hiệu lực, nếu được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước thì được thực hiện chế độ chuyển ngành theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung một số khoản tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này, đồng thời phải hoàn trả khoản trợ cấp phục viên một lần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP và trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần đã nhận theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi sĩ quan công tác trước khi phục viên chỉ đạo thu hồi quyết định phục viên và các khoản trợ cấp nêu trên; ra quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định chuyển ngành; nộp các khoản trợ cấp đã thu vào ngân sách nhà nước và tài khoản chuyên thu của Bảo hiểm xã hội Quân đội¹⁴; hoàn thiện hồ sơ đề nghị Bảo hiểm xã hội Quân đội¹⁵ xác nhận, thực hiện bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội trước đó theo quy định.

3.¹⁶ Sĩ quan đã phục viên về địa phương trong thời gian không quá một năm, kể từ ngày quyết định phục viên có hiệu lực, nếu được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà có nguyện vọng được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội thì phải hoàn trả khoản trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần đã nhận theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi sĩ quan công tác trước khi phục viên chỉ đạo thu hồi khoản trợ cấp bảo hiểm xã hội một

¹³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

¹⁴ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bởi cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

¹⁵ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bởi cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

¹⁶ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

lần nộp vào tài khoản chuyên thu của Bảo hiểm xã hội Quân đội¹⁷; hoàn thiện hồ sơ đề nghị Bảo hiểm xã hội Quân đội¹⁸ xác nhận, thực hiện bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội trước đó theo quy định. Khi đủ điều kiện hưởng lương hưu, không được áp dụng cách tính mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ để tính lương hưu theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 3 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định này.

4.¹⁹ Trường hợp cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi sĩ quan công tác trước khi phục viên đã sáp nhập hoặc giải thể thì do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp sau sáp nhập hoặc cơ quan, đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp giải thể giải quyết. Thời gian sĩ quan phục viên về địa phương không được tính là thời gian công tác tham gia bảo hiểm xã hội

Điều 6. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan nghỉ theo chế độ bệnh binh

Sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ nghỉ theo chế độ bệnh binh, được hưởng chế độ bệnh binh theo pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng và chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Điều 7. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trần

1. Sĩ quan tại ngũ hy sinh thì thân nhân của sĩ quan được hưởng các chế độ theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng, pháp luật về bảo hiểm xã hội và được hưởng trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương của sĩ quan trước khi hy sinh.

2. Sĩ quan tại ngũ tử trần thì thân nhân của sĩ quan được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 1 tháng tiền lương của sĩ quan trước khi tử trần.

Điều 8. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng

1. Sĩ quan tại ngũ thuộc diện chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng theo quy định, được xếp lương theo diện bố trí mới phù

¹⁷ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bởi cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

¹⁸ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bởi cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

¹⁹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

hợp với nhóm, ngành cán bộ được sắp xếp; trình độ học vấn, đào tạo; thời gian giữ cấp bậc quân hàm hoặc bậc lương hiện tại. Trường hợp hệ số mức lương mới được xếp thấp hơn hệ số mức lương sĩ quan tại thời điểm chuyển diện bố trí thì được bảo lưu hệ số chênh lệch giữa hệ số mức lương của sĩ quan so với hệ số mức lương mới cho đến khi được nâng lương bằng hoặc cao hơn.

2.²⁰ Sĩ quan tại ngũ nếu có thời gian trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành nghề có tính chất đặc thù, thì khi chuyển sang công chức quốc phòng được hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại Điều 9 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định này. Trường hợp, do yêu cầu của Quân đội, công chức quốc phòng lại chuyển sang sĩ quan thì khi thôi phục vụ tại ngũ, thời gian đã được tính trợ cấp một lần cho thời gian tăng thêm do quy đổi nêu trên không được tính lại. Sĩ quan tại ngũ chuyển sang công chức quốc phòng khi đủ điều kiện hưởng lương hưu, nếu mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ để tính lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tại thời điểm nghỉ hưu thấp hơn mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội tại thời điểm chuyển sang công chức quốc phòng thì được thực hiện cách tính lương hưu như đối với sĩ quan chuyển ngành sang làm việc tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định này.

Điều 9. Chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan có thời gian trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành nghề có tính chất đặc thù khi thôi phục vụ tại ngũ hoặc khi hy sinh, tử trần²¹

1. Sĩ quan có thời gian trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn, ngành nghề có tính chất đặc thù thì được quy đổi thời gian để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ tại ngũ hoặc khi hy sinh, tử trần. Cụ thể như sau:²²

a) Sĩ quan có thời gian trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu thì thời gian đó được quy đổi 1 năm bằng 1 năm 6 tháng;

²⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

²¹ Tên Điều này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

²² Đoạn này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

b)²³ Sĩ quan có thời gian công tác ở địa bàn có phụ cấp đặc biệt với mức 100% hoặc ngành nghề có tính chất đặc thù được xếp lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì thời gian đó được quy đổi 1 năm bằng 1 năm 4 tháng;

c)²⁴ Sĩ quan có thời gian công tác ở địa bàn có phụ cấp khu vực từ hệ số 0,7 trở lên hoặc ngành nghề có tính chất đặc thù được xếp lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì thời gian đó được quy đổi 1 năm bằng 1 năm 2 tháng.

Trường hợp trong cùng một thời gian công tác sĩ quan có đủ 2 hoặc 3 điều kiện nêu trên thì được hưởng theo mức quy đổi cao nhất. Trường hợp thời gian công tác nêu trên không liên tục thì được cộng dồn để xác định tính tổng thời gian được hưởng chế độ.

2. Thời gian tăng thêm do quy đổi tại khoản 1 Điều này được tính hưởng trợ cấp một lần với mức cứ một năm được trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương.

Điều 10. Tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ²⁵

1. Tiền lương để tính hưởng các chế độ trợ cấp quy định tại Nghị định này là tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của tháng liền kề trước thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, chuyển sang công chức quốc phòng hoặc tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước khi hy sinh, tử nạn hoặc tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của tháng gần nhất trước thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, tử nạn hoặc chuyển sang công chức quốc phòng (đối với trường hợp nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau, thai sản; sau thời gian mất tin, mất tích được tòa án tuyên bố chết) và được quy đổi theo chế độ tiền lương tại thời điểm nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, tử nạn, bao gồm: Tiền lương theo cấp bậc quân hàm cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên nghề, hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có).

2. Thời gian công tác để tính hưởng chế độ

a) Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để tính hưởng trợ cấp một lần đối với sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm hoặc phục viên, hy sinh, tử nạn là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (trừ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần), gồm: Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội nhân dân (thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ,

²³ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

²⁴ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

²⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 338/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2026.

công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng), thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Công an nhân dân (thời gian là sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật; hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ; công nhân công an), thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong lực lượng cơ yếu và thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từ trung ương đến cấp xã.

Thời gian công tác trong Quân đội để tính hưởng trợ cấp thôi việc đối với sĩ quan đã chuyển ngành sang làm việc tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội hưởng lương từ ngân sách nhà nước nhưng không đủ điều kiện hưởng lương hưu mà thôi việc là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội (trừ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần), gồm: Thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng;

b) Thời gian công tác để tính quy đổi hưởng chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ tại ngũ hoặc chuyển sang công chức quốc phòng hoặc khi hy sinh, từ trần quy định tại Nghị định này là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội (trừ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần) trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành nghề có tính chất đặc thù, gồm: Thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng;

c) Trường hợp thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, thời gian tăng thêm do quy đổi và thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại Nghị định này nếu có số tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: Từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm và được tính hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm và được tính hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 01 năm.”.

Điều 11. Kinh phí bảo đảm

Ngân sách nhà nước bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện các chế độ trợ cấp quy định tại Nghị định này theo Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 12. Xử lý vi phạm

1. Các quyền lợi của sĩ quan quy định tại Nghị định này sẽ bị cắt giảm hoặc hủy bỏ nếu hồ sơ bị làm sai lệch hoặc giả mạo để hưởng chế độ; quyền lợi được hưởng không đúng phải hoàn trả.

Trường hợp do sai lệch hồ sơ mà sĩ quan không được hưởng hoặc hưởng không đầy đủ thì được khôi phục quyền lợi theo quy định tại Nghị định này.

2. Ngoài biện pháp xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân, tổ chức có hành vi làm sai lệch hoặc giả mạo hồ sơ, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm còn bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Điều khoản thi hành²⁶

²⁶ Điều 2 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.
2. Các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.
3. Chế độ phụ cấp thâm niên sau thời gian bảo lưu lương (18 tháng) đối với sĩ quan chuyển ngành sang làm việc tại các cơ quan, tổ chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định này được thực hiện đến khi Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.
4. Các văn bản dẫn chiếu trong Nghị định này khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì nội dung dẫn chiếu trong Nghị định này cũng được điều chỉnh và thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế.
5. Thông tư liên tịch số 36/2009/TTLT-BQP-BNV-BLĐTBXH-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2009 của liên Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trận; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.”.

Điều 5 và Điều 6 của Nghị định số 209/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.
2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ
 - a) Thay thế cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Bộ Nội vụ” tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ; khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 11/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ;

b) Thay thế cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị định số 52/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ; điểm b khoản 4 Điều 2, điểm a và điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định số 19/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ quy định biện pháp thi hành chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng chuyển ngành, công nhân và viên chức quốc phòng thôi việc theo quy định của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

c) Bãi bỏ, thay thế cụm từ sau:

Bãi bỏ cụm từ “Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cơ yếu về chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu.

Thay thế cụm từ “Cơ yếu cấp huyện” bằng cụm từ “Cơ yếu cấp xã” tại Bảng 3: Tiêu chuẩn diện tích một số công trình công cộng và phụ trợ khác trong doanh trại tại Danh mục số 03 Tiêu chuẩn diện tích ở tập thể, làm việc, sinh hoạt công cộng và một số công trình phụ trợ khác trong doanh trại ban hành kèm theo Nghị định số 32/2013/NĐ-CP.

Thay thế cụm từ “Phòng Mã dịch điện mật cấp huyện và tương đương” bằng cụm từ “Cơ yếu cấp xã” tại Bảng 13: Tiêu chuẩn doanh cụ trong Phòng Mã dịch điện mật tại Danh mục số 04 Định mức tiêu chuẩn doanh cụ ban hành kèm theo Nghị định số 32/2013/NĐ-CP.

Thay thế cụm “Cơ yếu cấp huyện và tương đương” bằng cụm từ “Cơ yếu cấp xã” tại Bảng 14: Tiêu chuẩn doanh cụ trong Phòng điện báo tại Danh mục số 04 Định mức tiêu chuẩn doanh cụ ban hành kèm theo Nghị định số 32/2013/NĐ-CP.

d) Thay thế một số cụm từ sau:

Thay thế cụm từ “Sở Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Sở Nội vụ” tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

Thay thế cụm từ “Bảo hiểm xã hội địa phương” bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Bảo hiểm xã hội khu vực)” tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP.

3. Trường hợp các mẫu giấy tờ là thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận của đối tượng chính sách trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà chưa giải quyết thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này. ”.

Các Điều 10, 11 và 12 của Nghị định số 338/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 8 năm 2026.

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2009. Các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2008.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 04/2001/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999.

3.²⁷ *(hết hiệu lực)*

Điều 14. Trách nhiệm thi hành²⁸

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định số 21/2009/NĐ-CP và Nghị định này; thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật có liên quan bảo đảm chế độ, chính sách đối với sĩ quan được thực hiện thống nhất, đồng bộ.

2. Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Quốc phòng về việc chỉ đạo, kiểm tra, giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện chế độ, chính sách chuyển xếp lương, miễn thi tuyển, thi tuyển công chức, viên chức và các chính sách khác đối với sĩ quan theo quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP và Nghị định này.

3. Trên cơ sở đề xuất của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính chủ trì, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên thực hiện các chế độ quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP và Nghị định này theo quy định của

2. Mức hưởng chế độ trợ cấp; thời gian, tiền lương làm căn cứ tính hưởng chế độ trợ cấp quy định tại Nghị định này được áp dụng đối với các trường hợp hy sinh, tử trận hoặc có quyết định nghỉ hưu trước hạn tuổi, phục viên, chuyển ngành, thôi việc kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ nghỉ hưu trước hạn tuổi hoặc phục viên hoặc thôi việc đã tiếp nhận trước ngày 01 tháng 9 năm 2026 mà cấp có thẩm quyền chưa ban hành quyết định về việc nghỉ hưu trước hạn tuổi hoặc phục viên hoặc thôi việc thì mức hưởng chế độ, thời gian và tiền lương làm căn cứ để tính hưởng chế độ được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.
2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”.

²⁷ Khoản này hết hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 10 của Nghị định số 151/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

²⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

pháp luật về ngân sách nhà nước; phối hợp giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định số 21/2009/NĐ-CP và Nghị định này./. *g*

BỘ QUỐC PHÒNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2026

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các đồng chí Lãnh đạo BQP;
- Bộ Nội vụ ;
- Văn phòng Chính phủ ;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- C79, C56, C85, C29;
- Cục KTVB&XLVPHC/Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT Chính phủ (để đăng tải);
- Công TTĐTBQP (để đăng tải);
- Lưu VT, NCTH.



Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu